TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MỸ XUYÊN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số:17/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/02/2025.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải.
- Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Huỳnh Văn Hiệp
2. Bà Đào Đắc Cẩm Tú

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2024/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 348/2024/QĐ-ST, ngày 07/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hữu L,** sinh năm 1990 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Phạm Thị N,** sinh năm 1993 (Vắng mặt),

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2024 nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L trình bày:

Vào năm 2011 ông Nguyễn Hữu L và bà Phạm Thị N có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng sống đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, lý do là tính tình không hợp , bất đồng quan điểm vì vậy vợ chồng sống không hạnh phúc và ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay. Về con chung có 02 con tên Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 22/4/2012 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 20/7/2017 hiện đang sống chung với bà N, về tài sản chung, nợ chung không có. Nay về hôn

nhân ông L xin yêu cầu ly hôn với bà N, về con chung ông L thống nhất để bà N được nuôi dưỡng 02 con chung, ông L không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Đối với bị đơn bà Phạm Thị N thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

* Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX cho ông L được ly hôn với bà N. Về con chung giao cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 22/04/2012 và cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 20/07/2017, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung, nợ chung, không có yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét. Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng*:* Đối với nguyên đơn đã có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Còn bị đơn sau khi thụ lý tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông L và bà N theo quy định pháp luật.

Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân*:

Ông Nguyễn Hữu L và bà Phạm Thị N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010 và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau đó đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, và cuối cùng vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay không hàn gắn lại được.

[2] Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa ông L và bà N không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân thời gian dài mà không có điều kiện hàn gắn trở lại. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc ông L yêu cầu được ly hôn với bà N là có căn cứ để chấp nhận theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, ông L và bà N đã có với nhau 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 22/04/2012 và cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 20/07/2017 hiện nay hai cháu đang sống với bà N. Nay về con chung ông L cũng thống nhất cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, từ khi ông L và bà N sống ly thân thì cháu D và cháu T sống với bà N, nay ông L cũng thống nhất để bà N được nuôi con, vì vậy cần tiếp tục để cháu D và cháu T được tiếp tục sống với bà N và giao cháu D và T cho bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi là phù hợp, ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- *Về đóng góp cấp dưỡng nuôi con*: Do bà N không yêu cầu ông L đóng góp cấp dưỡng nuôi con vì vậy HĐXX không đặt ra xem xét Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông L.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

+ Về án phí*:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228**,** Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L.

- *Về hôn nhân*: Ông Nguyễn Hữu L được ly hôn với bà Phạm Thị N.

- *Về con chung*: Bà Phạm Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 22/04/2012 và cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 20/07/2017 cho đến khi cháu D và cháu T đủ 18 tuổi. Ông L không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom chăm sóc con cho ông L không ai được quyền cản trở.

- *Về tài sản chung*: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ông L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0008278, ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, ông L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Xuyên;*
- *Chi cục THADS huyện MX;*
- *Phòng GĐKT;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải